TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/9/2018
Về "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Trung Nghĩa;

2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Châu Ngọc Đ, sinh năm 1979 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 105 ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1976 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà 221 ấp A, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2018 (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Châu Ngọc Đ trình bày:

Năm 2005, anh Đ kết hôn với chị Lưu Thị T và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chỉ sau 07 ngày thì anh Đ với chị T đã không còn sống chung với nhau cho đến nay; anh Đ sống tại xã L, huyện T còn chị T sống tại xã H, thị xã V.

Nay, anh Đ giao nộp tài liệu, chứng cứ là bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Trích lục kết hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Đối với bị đơn Lưu Thị T: Mặc dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do. Chị T được thông báo về kết quả phiên họp nêu trên và việc Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, phiên tòa ngày 13/9/2018, bị đơn T vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh nơi cư trú, việc giao nhận văn bản tố tụng của chị T và tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng và điều kiện của các đương sự (BL 27, 28).

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Đ được ly hôn với chị T; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Châu Ngọc Đ yêu cầu ly hôn với chị Lưu Thị T, không yêu cầu giải quyết về con chung cũng như tài sản chung, nợ chung. Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu giải quyết vắng mặt bị đơn; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt chị Lưu Thị T.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu và Trích lục kết hôn do anh Đ giao nộp cũng như việc không phản đối của bị đơn T; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh Đ về kết hôn với chị T, được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản và nợ chung là sự thật. Như vậy, anh Đ và chị T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tuy nhiên, từ sau khi kết hôn được 07 ngày cho đến nay, anh Đ và chị T đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng coi nhau như người xa lạ, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó. Từ thực trạng trên cho thấy, anh Đ và chị T không còn tình nghĩa vợ chồng; đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh Châu Ngọc Đ được ly hôn với chị Lưu Thị T.

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có con chung cũng như tài sản và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Châu Ngọc Đ chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Châu Ngọc Đ được ly hôn với chị Lưu Thị T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Châu Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0000858 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Châu Ngọc Đ có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Lưu Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã L, huyện T;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG